

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
TỈNH PHÚ THỌ**

**ỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 09/2020/DS-PT

Ngày 11 tháng 02 năm 2020

V/v “*Tranh chấp quyền sử dụng
hạn chế đối với thửa đất liền kề*”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN TỈNH PHÚ THỌ**

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà: Ông Nguyễn Việt Tiến

Các Thẩm phán: Ông Nguyễn Hà Giang
Ông Nguyễn Kim Ái

- Thư ký phiên toà: Bà Phùng Thị Phương Anh - Thư ký Toà án nhân dân tỉnh Phú Thọ.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Phú Thọ: Bà Nguyễn Thị Lan Anh - Kiểm sát viên tham gia phiên toà.

Ngày 11 tháng 02 năm 2020, tại trụ sở Toà án nhân dân tỉnh Phú Thọ xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số: 72/2019/TLPT-DS ngày 02/12/2019 về “*Tranh chấp quyền sử dụng hạn chế đối với bất động sản liền kề*”

Do bản án dân sự sơ thẩm số: 11/2019/DS-ST ngày 16/9/2019 của Tòa án nhân dân huyện T, tỉnh Phú Thọ bị kháng cáo.

Theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số:102/2019/QĐXX-PT ngày 25/12/2019 giữa các đương sự

1. Nguyên đơn: Công ty trách nhiệm hữu hạn Q

Địa chỉ công ty: xóm C, xã S, huyện T, tỉnh Phú Thọ.

Người đại diện theo pháp luật: Ông Yu Po H – Chức vụ: Chủ tịch HĐQT kiêm Giám đốc.

Người đại diện theo ủy quyền: Ông Phạm Đình T - sinh năm 1992;

Địa chỉ: Tầng 7, tòa nhà V, số 1, đường Tquận Đ, Tp. Hà Nội – Theo văn bản ủy quyền ngày 08/8/2018(Có mặt).

2. Bị đơn: Ông Trần Văn H – Sinh năm 1958(Có mặt)

Địa chỉ: xóm C, xã S, huyện T, tỉnh Phú Thọ.

3. Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan:

3.1. Bà Vũ Thị K – Sinh năm 1960(Có mặt)

Địa chỉ: Xóm C, xã S, huyện T, tỉnh Phú Thọ.

3.2. Ủy ban nhân dân huyện T, tỉnh Phú Thọ

Người đại diện: Ông Nguyễn Văn M – Chức vụ: Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện T.

Người đại diện theo ủy quyền: Ông Nguyễn Hữu T – Chức vụ: Trưởng phòng Tài nguyên – Môi trường (văn bản ủy quyền ngày 04/9/2019)

Địa chỉ: Thị trấn T, huyện T, tỉnh Phú Thọ. Ông Tám xin xét xử vắng mặt.
Người kháng cáo: Ông Trần Văn H - là nguyên đơn.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện, bản tự khai, biên bản về kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ, biên bản hòa giải, tại phiên tòa nguyên đơn trình bày: Công ty trách nhiệm hữu hạn (TNHH) Q có địa chỉ cụ thể tại *Thửa đất số 83, Tờ bản đồ số 39, xóm C, xã S, huyện T, tỉnh Phú Thọ* được thành lập trên cơ sở Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư (Mã số dự án: 5446858807) do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Phú Thọ cấp lần đầu ngày 26 tháng 08 năm 2015. Năm 2015 Công ty TNHH Q (Công ty Q) mua lại nhà máy ván ép của Công ty TNHH T, khi đó đường dây tải điện đầu nối từ cột 58 cũ (nay là cột 37) vào trạm biến áp của công ty đã có sẵn của Công ty T. Năm 2017 nhà nước nắn đường quốc lộ 32a, khi thi công tả ly dương của đường quốc lộ bị sụt lở vào chân móng cột đầu nối nên Điện lực T đã phải tháo dỡ đường dây cáp điện vào nhà máy để di dời cột điện cách đó khoảng 30 mét. Đến năm 2018 công ty Q tiến hành đầu nối lại đường dây 35kV cấp điện vào trạm biến áp Công ty Q qua đất khai hoang nhà ông H thì ông H không cho kéo và yêu cầu phía công ty phải ký kết hợp đồng thuê không gian. Công ty không nhất trí với yêu cầu này.

Công ty TNHH Q khởi kiện yêu cầu buộc bị đơn là ông Trần Văn H phải cho Công ty TNHH Q đầu nối lại đường dây 35kV qua đất khai hoang nhà ông H để cấp điện vào trạm biến áp của Công ty TNHH Q. Tại đơn đề nghị ngày 02/8/2019 cũng như tại phiên tòa sơ thẩm Công ty TNHH Q tự nguyện hỗ trợ cho vợ chồng ông Trần Văn H số tiền là 20.000.000 đồng nếu Công ty được đầu nối lại đường điện.

Ông Trần Văn H và vợ là bà Vũ Thị K trình bày: Vợ chồng ông khai hoang diện tích đất tại xóm C, xã S và sử dụng ổn định từ năm 1989 đến nay không có tranh chấp với ai, được UBND xã S xác nhận ngày 10/4/2010. Hiện nay đang làm thủ tục cấp GCNQSDĐ. Nay Công ty TNHH Q muốn đầu nối đường dây 35kV cấp điện vào trạm biến áp của Công ty qua phần đất nhà ông H, ông H cũng nhất trí nhưng phía công ty TNHH Q phải ký kết hợp đồng thuê khoán không gian và có nghĩa vụ với gia đình ông H theo thỏa thuận. Nếu không đạt được thỏa thuận thì yêu cầu công ty TNHH Q đầu nối vào trụ điện khác mà không đi qua đất khai hoang của nhà ông. Tại phiên tòa sơ thẩm ông H khẳng định, ông không cho Công ty TNHH Q kéo đường điện đi qua đất khai hoang nhà ông nữa, kể cả Công ty Q thuê bao nhiêu tiền cũng không đồng ý.

Quan điểm của UBND huyện T: Hộ ông Trần Văn H có đăng ký hộ khẩu thường trú tại xóm C, xã S, huyện T, tỉnh Phú Thọ đang quản lý và sử dụng 2.953,0m² đất (Trong đó diện tích được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất là 79,2m², diện tích chưa được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất là 2.873,8m² gồm 2.127,6m² đất trồng cây lâu năm và 746,2m² đất rừng sản xuất). Diện tích đang tranh chấp giữa Công ty TNHH Q kéo đường dây điện đi qua đất ông Trần Văn H là 590,1m² (Nằm trong diện tích 2.873,8m² chưa được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất) đây là diện tích đã được hộ ông H sử dụng từ tháng 3/1989 đến nay, sử dụng ổn định, không vi phạm pháp luật về đất đai, không có tranh chấp (Có biên bản làm việc ngày 19/6/2019) và hiện nay chưa có công trình, dự án nào được

quy hoạch vào diện tích đất trên. Căn cứ quy định của Luật Đất đai và các Nghị định, Thông tư hướng dẫn thì diện tích đất trên đủ điều kiện cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất theo quy định của pháp luật. Tuy nhiên hộ ông H phải sử dụng đất theo đúng mục đích đã được xác định và phải tuân thủ các quy định về hành lang bảo vệ an toàn công trình công cộng. Nay Công ty TNHH Q khởi kiện ông Trần Văn H và bà Vũ Thị K, quan điểm của UBND huyện T là đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định của pháp luật. Do điều kiện bận công việc đại diện của UBND huyện không đến Tòa án để tham gia phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận công khai chứng cứ, phiên hòa giải và phiên tòa được, đề nghị Tòa án giải quyết vắng mặt.

Tại bản án số 11/2019/DS-ST ngày 16/9/2019 Tòa án nhân dân huyện T, tỉnh Phú Thọ đã quyết định:

Áp dụng các Điều 255, 601 - Bộ Luật Dân sự 2015, Điều 26; 35; 147; 271; 273 và Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015. Điều 157; 171 Luật Đất đai năm 2013. Điều 50; 51 Luật Điện lực năm 2004, sửa đổi bổ sung năm 2012.

Áp dụng điểm đ khoản 2 Điều 12 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về án phí và lệ phí Tòa án. Xử:

1. Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của Công ty TNHH Q.

Công ty TNHH Q được quyền kéo đường dây tải điện 35kv từ đầu cột 37 (Cột 58 cũ) lộ 372-E4.8 qua đất khai hoang của hộ ông Trần Văn H và bà Vũ Thị K để cấp điện vào trạm biến áp của Công ty TNHH Q và phải đảm bảo chiều cao, độ võng, hành lang an toàn theo quy định của Luật Điện Lực.

Công ty TNHH Q có trách nhiệm hỗ trợ một lần cho ông Trần Văn H và bà Vũ Thị K số tiền là 20.000.000đồng(Hai mươi triệu đồng).

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 của Bộ luật dân sự năm 2015.

2. Về án phí: Ông Trần Văn H được miễn toàn bộ án phí dân sự sơ thẩm.

Về chi phí đo vẽ sơ đồ: Công ty TNHH Q tự nguyện chịu toàn bộ chi phí đo vẽ sơ đồ là 1.476.098đ (Một triệu bốn trăm bảy sáu nghìn không trăm chín tám đồng) xác nhận ngày 06/5/2019 Công ty TNHH Q đã nộp 1.476.098đ(Một triệu bốn trăm bảy sáu nghìn không trăm chín tám đồng) tại văn phòng đăng ký quyền sử dụng đất huyện T.

Trả lại cho Công ty TNHH Q toàn bộ tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000đồng (Ba trăm nghìn đồng) theo biên lai thu số AA/2018/0001610 ngày 19/02/2019 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện T.

Bản án còn tuyên quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

Ngày 30/9/2019 ông Trần Văn H kháng cáo toàn bộ bản án. Lý do: gia đình ông không có tranh chấp; thửa đất liền kề thửa đất nhà ông cách hai con đường nhựa chạy qua.

Tại phiên tòa: Ông H giữ nguyên yêu cầu khởi kiện. Ông trình bày: gia đình ông không có tranh chấp đất với Công ty TNHH Q, đất của ông đủ điều kiện cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. Trước đây Công ty TNHH T đã phải hợp

đồng thuê không gian ông mới cho kéo đường điện qua đất của gia đình ông. Nay Công ty TNHH Q muốn kéo đường điện qua đất của ông thì phải ký hợp đồng thuê không gian, nếu không thì ông không cho kéo đường điện qua đất của ông.

Đại diện Công ty TNHH Q trình bày: Công ty TNHH Q có quyền được kéo đường điện qua đất của ông H, bà K. Quyền này được quy định tại Điều 255 của Bộ luật dân sự 2015, Điều 171 của Luật đất đai, Luật điện lực... đề nghị Hội đồng xét xử phúc thẩm giải quyết theo pháp luật.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Phú Thọ đề nghị không chấp nhận kháng cáo, giữ nguyên bản án sơ thẩm.

(Chi tiết lời trình bày của các đương sự, của Viện kiểm sát tại biên bản phiên tòa và bài phát biểu của Viện kiểm sát lưu hồ sơ vụ án)

NHẬN ĐỊNH CỦA TOÀ ÁN:

Căn cứ các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa; căn cứ kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Kháng cáo trong hạn luật định được xem xét theo thủ tục phúc thẩm.

[2] Về kháng cáo của ông H, Hội đồng xét xử xét thấy:

[2.1] Điều 255 BLDS 2015 quy định: “ Chủ sở hữu bất động sản có quyền mắc đường dây tải điện, thông tin liên lạc qua bất động sản của các chủ sở hữu khác một cách hợp lý, nhưng phải bảo đảm an toàn và thuận tiện cho các chủ sở hữu đó; nếu gây thiệt hại thì phải bồi thường”.

Khoản 1 Điều 601 của Bộ luật dân sự quy định: “ Chủ sở hữu phải có trách nhiệm sử dụng, vận hành, bảo quản, trông giữ vận hành theo đúng quy định của pháp luật”.

Điều 171 Luật Đất đai năm 2013 quy định: “ Quyền sử dụng hạn chế đối với thửa đất liền kề bao gồm lối đi; cấp, thoát nước; tưới nước; tiêu nước trong canh tác; cấp khí ga; đường dây tải điện, thông tin liên lạc và các nhu cầu cần thiết khác một cách hợp lý trên thửa đất liền kề.

[2.2] Căn cứ kết quả xem xét, thẩm định tại chỗ ngày 12/4/2019, ý kiến của Điện lực huyện T thấy: Để mắc đường điện vào trạm biến áp của Công ty TNHH Q chỉ đầu nối với cột 37(Cột 58 cũ) thuộc lộ 372-E4.8 là thuận lợi nhất và phải đi qua đất khai hoang chưa được cấp GCNQSDĐ của gia đình ông H với diện tích 590,1m² tính cả hành lang đường điện, trong đó đất trồng cây lâu năm là 330,7m², đất rừng sản xuất là 259,4m² nằm trong tổng thể diện tích đất khai hoang của ông H là 2.873,8m² gồm 2.127,6m² đất trồng cây lâu năm và 746,2m² đất rừng sản xuất.

Như vậy, Chủ sở hữu bất động sản có quyền mắc đường dây tải điện qua bất động sản của chủ sở hữu khác một cách hợp lý là quyền được luật định. Luật không có quy định chủ sở hữu bất động sản phải ký hợp đồng với chủ sử dụng bất động sản liền kề. Trước đây khi Công ty TNHH T sử dụng trong quá trình giải quyết vụ án chưa có tài liệu nào cho thấy việc mắc đường dây tải điện làm ảnh hưởng nghiêm trọng, chưa xảy ra sự cố nào làm ảnh hưởng đến việc sử dụng đất của gia đình ông H, bà K; hơn nữa về pháp luật thì đất vẫn chưa được Nhà nước công nhận cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng cho gia đình ông H, bà K. Cho nên yêu cầu của Công ty TNHH Q về việc mắc đường dây tải điện qua đất do gia đình

ông H đang sử dụng phù hợp với quy định của pháp luật; yêu cầu của ông H buộc Công ty TNHH Q phải ký hợp đồng thuê không gian không phù hợp với quy định của pháp luật. Vì vậy, TAND huyện T chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Công ty TNHH Q là đúng.

Căn cứ sơ đồ và Công văn số 994/UBND-TCKH ngày 06/9/2019 của UBND huyện T cho thấy khi mắc đường điện qua đất của ông H, bà K thì tổng giá trị bồi thường theo quy định của pháp luật là 3.330.000đồng (ba triệu ba trăm ba mươi nghìn đồng), nhưng căn cứ sự tự nguyện của Công ty TNHH Q, Tòa án cấp sơ thẩm tuyên Công ty TNHH Q có trách nhiệm bồi thường cho ông H, bà K số tiền 20.000.000đ là phù hợp.

[3] Án phí phúc thẩm: Kháng cáo không được chấp nhận nên ông H phải chịu 300.000đ tiền án phí dân sự phúc thẩm. Tuy nhiên, ông H sinh năm 1958 thuộc người cao tuổi theo Luật người cao tuổi nên được miễn án phí theo Quy định tại điểm đ khoản 1 Điều 12 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án .

Vì các lẽ trên.

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 308 của Bộ luật tố tụng dân sự;

[1] Không chấp nhận kháng cáo của ông Trần Văn H. Giữ nguyên bản án sơ thẩm số 11/2019/DS-ST ngày 16/9/2019 Tòa án nhân dân huyện T, tỉnh Phú Thọ.

Áp dụng các Điều 255, 601 của Bộ Luật Dân sự 2015, Điều 26; 35; 147; 271; 273 và Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015. Điều 157; 171 Luật Đất đai năm 2013. Điều 50; 51 Luật Điện lực năm 2004, sửa đổi bổ sung năm 2012.

Áp dụng điểm đ khoản 2 Điều 12 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án. Xử:

1. Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của Công ty TNHH Q.

Công ty TNHH Q được quyền mắc đường dây tải điện 35kv từ đầu cột 37 (Cột 58 cũ) lộ 372-E4.8 qua đất khai hoang của hộ ông Trần Văn H và bà Vũ Thị K để cấp điện vào trạm biến áp của Công ty TNHH Q và phải đảm bảo chiều cao, độ vững, hành lang an toàn theo quy định của Luật Điện Lực.

Công ty TNHH Q có trách nhiệm bồi thường, hỗ trợ một lần cho ông Trần Văn H và bà Vũ Thị K số tiền là 20.000.000đồng (Hai mươi triệu đồng).

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 của Bộ luật dân sự năm 2015.

2. Về án phí: Ông Trần Văn H được miễn toàn bộ án phí Dân sự sơ thẩm.

Về chi phí do vẽ sơ đồ: Công ty TNHH Q tự nguyện chịu toàn bộ chi phí do vẽ sơ đồ là 1.476.098đ (Một triệu bốn trăm bảy sáu nghìn không trăm chín tám đồng) xác nhận ngày 06/5/2019 Công ty TNHH Q đã nộp 1.476.098đ (Một triệu bốn trăm bảy sáu nghìn không trăm chín tám đồng) tại văn phòng đăng ký đất đai huyện T, tỉnh Phú Thọ.

Trả lại cho Công ty TNHH Q tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000đồng (Ba trăm nghìn đồng) theo biên lai thu số AA/2018/0001610 ngày 19/02/2019 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện T, tỉnh Phú Thọ.

[2] Án phí phúc thẩm: Miễn án phí dân sự phúc thẩm cho ông Trần Văn H.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại khoản 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án tự nguyện thi hành án, cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6,7, 7a,7b và 9 Luật thi hành án. Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo kháng nghị.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án./.

Nơi nhận:

- VKSND T.Phú Thọ;
- Chi cục THADS huyện T;
- TAND huyện T;
- Các đương sự;
- Lưu: HSVA.

T/M. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà

(Đã ký)

Nguyễn Việt Tiến